

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 02/03/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Anh

Bà Hà Thị Hiếu

-Thư ký phiên tòa: Hà Văn Bình, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:47/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản NS, xã SH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Ch, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản NS, xã SH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Ch quen nhau, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/04/2010 tại Ủy ban nhân dân xã SH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn không hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không tìm được tiếng nói chung nên từ đó hai vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh

Hà Văn Ch.

Về con chung: Chị Đ và anh Chương có 02 con chung là Hà Lương Tổ V, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Hà Mai Th, sinh ngày 07/03/2013. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn Hà Văn Ch: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng cho anh Ch (qua người thân là bố đẻ anh Ch) nhưng anh Ch cố tình vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Ch (qua người thân là bố đẻ anh Ch) nhưng phiên tòa ngày 16/02/2022 anh Ch vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa hôm nay, anh Ch là bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Ch.

Do vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình ngày 17/01/2021, Ông Hà Văn Th –Trưởng bản NS, xã SH cho biết: Chị Đ và anh Ch kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/04/2010 tại UBND xã SH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức đám cưới theo tục lệ địa phương. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh Ch sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì ông không rõ. Sau đó anh Ch một mình đi làm ăn xa trong miền Nam, chị Đ ở nhà một mình nuôi con chăm sóc bố mẹ gia đình, từ đó đến nay không thấy anh Ch trở về thăm nhà mà chỉ gọi điện thoại liên lạc hỏi thăm bố mẹ đẻ. Hiện anh Ch đang đi làm tại tỉnh Bình Dương không thấy trở về chăm sóc gia đình, vợ con và không mong muốn quay lại đoàn tụ vợ chồng. Về con chung, chị Đ và anh Ch có 02 con chung là Hà Lương Tổ V, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Hà Mai Th, sinh ngày 07/03/2013. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Đ. Về tài sản chung, chị Đ và anh Ch không thấy có tài sản gì chung.

Tại Bản tự khai ngày 20/12/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, cháu Hà Lương Tổ V trình bày: Nếu bố mẹ không sống chung cùng nhau nữa thì

nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ để mẹ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu.

Tại Bản tự khai ngày 20/12/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, cháu Hà Mai Th trình bày: Nếu bố mẹ không sống chung cùng nhau nữa thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ để mẹ tiếp tục nuôi chăm sóc cho cháu phát triển như lâu nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Đ giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và qua người thân nhận thay cam đoan thông báo cho anh Ch biết, nhưng anh Ch cố tình vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Lương Thị Đ được ly hôn với anh Hà Văn Ch; Về con chung: Giao cháu Hà Lương Tố V, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Hà Mai Th, sinh ngày 07/03/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị Lương Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Bị đơn cư trú tại bản NS, xã SH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt: Tại phiên tòa ngày 16/02/2022, anh Hà Văn Ch là bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày 02/3/2022. Tại phiên tòa hôm nay, Anh Ch vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch.

[2] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Đ và anh Hà Văn Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã SH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 14/04/2010 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Đ là hoàn toàn chính đáng bởi sau kết hôn chị Đ và anh Ch hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh Ch đi làm ăn xa, bỏ mặc, không hề quan tâm đến gia đình vợ con. Anh Ch bỏ nhà đi không còn quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân nhau 03 năm nay, không còn quan tâm, đi lại với nhau nữa. Nên chị Đ cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch. Hơn nữa anh Ch cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị Đ, như vậy chứng tỏ anh Ch cũng không tha thiết gì cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Như vậy, tình cảm giữa chị Đ và anh Ch đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ xin ly hôn với anh Ch là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị Đ và anh Hà Văn Ch xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Lương Tố V, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Hà Mai Th, sinh ngày 07/03/2013. Hiện hai cháu đang ở với chị Đ. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy đề nghị của chị Đ về việc nuôi con chung khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp nên HĐXX chấp nhận giao cháu V và cháu Th cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của chị Đ nên HĐXX chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Ch đều vắng mặt cũng như không có ý kiến phản hồi về việc ly hôn cũng như trách nhiệm nuôi dưỡng con chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này anh Ch có nguyện vọng về việc thay đổi người nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì anh Ch có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về tài sản: chị Lương Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271,

khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Đ về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị Đ được ly hôn anh Hà Văn Ch.

- Về con chung: Giao cháu Hà Lương Tố V, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Hà Mai Th, sinh ngày 07/03/2013 cho chị Lương Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Hà Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Văn Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*** Về án phí:** Chị Lương Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Diệp đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0012971 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị Lương Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm. Chị Đ được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Ch được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã SH, huyện Quan Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án;

Bàn Hữu Văn